

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	01 - 02
Báo cáo kiểm toán độc lập	03 - 04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2015	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 35



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ Khánh Hội trước đây là Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000344 ngày 23 tháng 03 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 0302251673 vào ngày 19 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Bình Minh	Chủ tịch – Bổ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2015
Ông Phạm Phú Quốc	Chủ tịch – Từ nhiệm ngày 25 tháng 11 năm 2015
Ông Nguyễn Thi	Thành viên
Ông Lê Văn Trường	Thành viên
Ông Đinh Lê Chiến	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Hạnh	Thành viên
Ông Thân Đức Dương	Thành viên
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Vũ Hoàng Tuấn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Nguyễn Ngọc Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thân Đức Dương	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Tập đoàn.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2016



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NGỌC HẠNH

Số: 16.137HN/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2016 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ Khánh Hội và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG XUÂN CẢNH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 số: 0067-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN



LỘ NGUYỄN THÚY PHƯỢNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
 số: 1191-2013-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		269.957.563.752	284.690.476.317
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	101.944.931.099	80.682.560.891
1. Tiền	111		2.244.931.099	2.432.560.891
2. Các khoản tương đương tiền	112		99.700.000.000	78.250.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	161.705.465.596	78.705.465.596
1. Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn	123		161.705.465.596	78.705.465.596
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.437.494.416	11.030.593.627
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	3.318.593.761	23.790.399.332
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		86.410.796	445.860.038
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.032.489.859	771.114.210
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(13.976.779.953)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	301.438.099	113.627.018.935
1. Hàng tồn kho	141		301.438.099	113.627.018.935
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.568.234.542	644.837.268
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	1.557.812.921	634.415.647
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	10.421.621	10.421.621
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		156.827.374.778	152.213.452.196
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		46.937.862.343	46.937.862.343
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	46.937.862.343	46.937.862.343
II. Tài sản cố định	220		15.739.028.118	15.716.146.802
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	15.458.179.718	15.190.704.397
Nguyên giá	222		22.737.062.357	21.440.425.344
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.278.882.639)	(6.249.720.947)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	280.848.400	525.442.405
Nguyên giá	228		941.140.000	941.140.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(660.291.600)	(415.697.595)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.8	24.831.313.689	21.094.600.725
Nguyên giá	231		42.943.115.770	38.469.503.312
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(18.111.802.081)	(17.374.902.587)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.5	26.137.374.224	26.100.021.654
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		14.258.959.536	14.221.606.966
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		11.878.414.688	11.878.414.688
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	40.749.259.683	40.906.765.667
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.025.669.517	18.023.842.607
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		41.968.466.666	41.918.466.666
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.244.876.500)	(19.035.543.606)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.432.536.721	1.458.055.005
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	2.375.359.355	1.419.848.930
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		57.177.366	38.206.075
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		426.784.938.530	436.903.928.513



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		47.874.215.087	105.534.381.137
I. Nợ ngắn hạn	310		36.989.707.983	94.785.105.893
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		343.008.248	44.901.757
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		924.212.000	1.005.213.393
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	15.694.904.151	9.956.783.478
4. Phải trả người lao động	314		281.949.560	126.397.577
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		121.203.152	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		50.600.000	280.275.959
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	8.222.618.498	78.743.540.244
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		5.427.000.000	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.924.212.374	4.627.993.485
II. Nợ dài hạn	330		10.884.507.104	10.749.275.244
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.11	10.884.507.104	10.749.275.244
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.12	378.910.723.443	331.369.547.376
I. Vốn chủ sở hữu	410		378.910.723.443	331.369.547.376
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		141.203.090.000	141.203.090.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		141.203.090.000	141.203.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		95.682.643.118	95.682.643.118
3. Cổ phiếu quỹ	415		(13.376.358.507)	(13.376.358.507)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.316.280.480	24.963.102.840
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		37.571.898.969	26.112.599.793
6. Lợi nhuận chưa phân phối	421		82.513.169.383	56.784.470.132
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.138.464.385	22.094.468.530
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		80.374.704.998	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		426.784.938.530	436.903.928.513

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THANH NHỰT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NGỌC HẠNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	478.628.670.745	183.389.542.817
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		18.696.465.727	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		459.932.205.018	183.389.542.817
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	371.392.673.763	88.189.837.855
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		88.539.531.255	95.199.704.962
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	14.902.487.290	7.920.116.383
7. Chi phí tài chính	22	6.4	820.424.000	3.401.459.344
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		-	152.201.667
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		1.826.910	(428.136.225)
9. Chi phí bán hàng	25		127.352.877	162.375.449
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	462.156.053	11.260.622.797
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		102.033.912.525	87.867.227.530
12. Thu nhập khác	31	6.6	8.612.742.776	7.587.662.458
13. Chi phí khác	32	6.7	7.968.236.176	6.569.675.665
14. Lợi nhuận khác	40		644.506.600	1.017.986.793
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		102.678.419.125	88.885.214.323
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	22.322.667.598	19.953.148.038
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(18.953.471)	11.228.798
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		80.374.704.998	68.920.837.487
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		80.374.704.998	68.920.837.487
20. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70		5.628	4.826

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THANH NHỰT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NGỌC HẠNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		102.678.419.125	68.920.837.487
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		2.979.064.719	2.741.379.114
Các khoản dự phòng	03		(13.156.355.953)	3.560.102.587
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.904.314.200)	(6.652.836.926)
Chi phí lãi vay	06		-	152.201.667
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		77.596.813.691	68.721.683.929
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.316.797.976	(1.724.524.020)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		113.325.580.836	62.250.096.628
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(64.291.702.301)	(5.696.128.011)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.878.907.699)	666.872.597
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(152.201.667)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(14.242.085.375)	(15.248.200.006)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		434.161.247	142.080.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.979.935.968)	(5.683.641.299)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		122.280.722.407	103.276.038.151
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.798.152.809)	(12.567.310.998)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(146.905.465.596)	(75.405.465.596)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		63.905.465.596	2.500.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.000.000.000)	(19.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.767.997.000	3.398.493.647
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.336.432.810	8.111.100.938
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(70.693.722.999)	(92.963.182.009)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	5.427.000.000	63.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(63.000.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.751.629.200)	(15.324.461.425)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(30.324.629.200)	(15.324.461.425)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		21.262.370.208	(5.011.605.283)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		80.682.560.891	85.694.166.174
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70		101.944.931.099	80.682.560.891

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN THANH NHỰT

KẾ TOÁN TRƯỞNG



QUÁCH TOÀN BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NGỌC HẠNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch Vụ Khánh Hội (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Khánh Hội được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000344 ngày 23 tháng 03 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 0302251673 vào ngày 19 tháng 05 năm 2015.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 360A Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 141.203.090.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 3 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. (Chi tiết: Mua bán, cho thuê nhà và văn phòng. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê bến bãi. Kinh doanh bất động sản. Cho thuê kho).

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Số lượng các công ty con được hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con trực tiếp</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Mầm Non Khánh Hội	360D Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV SGD BĐS Khánh Hội	360D Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM	100%	100%
3.	Công ty TNHH DVQL Cao Ốc Khánh Hội	360D Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM	100%	100%

1.5. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>
1.	Công ty CP DV Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội	360C Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, TP.HCM	49%	49%
2.	Công ty CP Chế Biến Thực Phẩm Hóc Môn	14/7A Nguyễn Thị Sóc, ấp Mỹ Hòa, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	20%	20%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm Tập đoàn đã áp dụng các chuẩn mực kế toán và các hướng dẫn kế toán mới của Bộ Tài chính như được trình bày tại mục 4.1 dưới đây.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

4.1 Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Tập đoàn áp dụng Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015

4.2 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao.

Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ"

4.4 Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.5 Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Dự án bất động sản đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa và xây dựng bao gồm các chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ hoặc dự án dân cư và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ và các chi phí trả trước khác chờ phân bổ. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
+ Máy móc thiết bị	7 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 08 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
+ Tài sản cố định hữu hình khác	3 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

4.9 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10 Bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	48 năm
+ Quyền sử dụng đất	2 – 50 năm
+ Nhà và quyền sử dụng đất	40 – 50 năm

Khi thanh lý/bán bất động sản đầu tư, chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.11 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Bên góp vốn ghi nhận tài sản đóng góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải thu khác; Bên nhận góp vốn ghi nhận tài sản các bên góp cho hoạt động của BCC là khoản nợ phải trả khác

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của hợp đồng:

Doanh thu, chi phí, sản phẩm của hợp đồng được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

4.12 Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tập đoàn nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tập đoàn trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tập đoàn phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.13 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí thuê mặt bằng, được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.15 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian thuê tài sản.

4.16 Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.17 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty liên doanh liên kết.

Thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư

Thu nhập từ bán các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

4.18 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.19 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.20 Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính hợp nhất.

4.21 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ là khoản hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi.

4.22 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.23 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.24 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.25 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

4.26 Nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4.27 Số liệu so sánh

Như trình bày tại mục 4.1, từ năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do ảnh hưởng của việc áp dụng các hướng dẫn trong thông tư này nên để bảo đảm tính so sánh của các số liệu, một số số liệu của bảng cân đối hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được báo cáo lại, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (trích):

	VND	
	Đầu năm	Đầu năm
	Được báo cáo lại	Đã được báo cáo trước đây
Phải thu ngắn hạn khác	771.114.210	626.676.210
Tài sản ngắn hạn khác	-	144.438.000
Hàng tồn kho	113.627.018.935	127.848.625.901
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	14.221.606.966	-
Phải thu dài hạn khác	46.937.862.343	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	41.918.466.666	88.844.229.009
Tài sản dài hạn khác	-	12.100.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	634.415.647	391.987.825
Chi phí trả trước dài hạn	1.419.848.930	1.662.276.752
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	280.275.959	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	280.275.959
Phải trả ngắn hạn khác	78.743.540.244	85.679.080.265
Phải trả dài hạn khác	10.749.275.244	3.813.735.223

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất (trích):

	Năm trước Được báo cáo lại	VND Năm trước Đã được báo cáo trước đây
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.826	5.398

Việc điều chỉnh lại các chỉ tiêu trên là do có sự thay đổi trong việc trình bày một số khoản mục trong báo cáo tài chính và cách tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi phần trích quỹ khen thưởng phúc lợi) giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	VND Đầu năm
Tiền mặt	233.791.500	162.366.200
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.011.139.599	2.270.194.691
Các khoản tương đương tiền	99.700.000.000	78.250.000.000
Cộng	<u>101.944.931.099</u>	<u>80.682.560.891</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ		Đầu năm		VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội	1.470.000.000	-	1.470.000.000	-	
Công ty CP Thực Phẩm Hóc Môn	18.000.000.000	18.025.669.517	18.000.000.000	18.023.842.607	
Cộng	19.470.000.000	18.025.669.517	19.470.000.000	18.023.842.607	

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm			Đầu năm			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Công ty CP Đầu tư Phát Triển Thương mại Củ Chi	16.159.866.666	(12.393.374.666)	3.766.492.000	16.159.866.666	(11.572.950.666)	4.586.916.000	
Công ty CP Thương Mại Phú Nhuận	6.600.000.000	(700.000.000)	5.900.000.000	4.600.000.000	(700.000.000)	3.900.000.000	
Công ty CP Căn nhà mơ ước Đồng Nam	12.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	12.000.000.000	(6.000.000.000)	6.000.000.000	
Công ty CP Kỹ Thuật Xây Dựng Phú Nhuận	1.162.500.000	(40.000.000)	1.122.500.000	1.162.500.000	(40.000.000)	1.122.500.000	
Công ty CP BĐS Bến Thành Đức Khải	619.100.000	(111.501.834)	507.598.166	619.100.000	(111.501.834)	507.598.166	
Công ty CP Bến Thành Long Hải	-	-	-	1.950.000.000	(611.091.106)	1.338.908.894	
Công ty CP TMDV Lâu Đài Ven Sông	5.427.000.000	-	5.427.000.000	5.427.000.000	-	5.427.000.000	
Cộng	41.968.466.666	(19.244.876.500)	22.723.590.166	41.918.466.666	(19.035.543.606)	22.882.923.060	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
			VND	
Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội	1.964.727.952		1.594.294.733	
Các khách hàng khác	1.353.865.809		22.196.104.599	
Cộng	<u>3.318.593.761</u>		<u>23.790.399.332</u>	
Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan: - Xem thêm Mục 9				
Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội	1.964.727.952		1.594.294.733	
Cộng	<u>1.964.727.952</u>		<u>1.594.294.733</u>	

5.4. Phải thu khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
			VND	
Ngắn hạn:				
Tạm ứng cho BQL CCKH3	100.000.000	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên	31.500.000	-	27.888.000	-
Phải thu lãi tiền gửi kỳ hạn ngân hàng	766.896.962	-	506.025.006	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	85.550.000	-	116.550.000	-
Phải thu khác	48.542.897	-	120.651.204	-
Cộng	<u>1.032.489.859</u>	<u>-</u>	<u>771.114.210</u>	<u>-</u>
Dài hạn:				
Góp vốn dự án Xuân Thới Đông Học Môn (Cty CP TM Học Môn)	46.925.762.343	-	46.925.762.343	-
Ký cược, ký quỹ	12.100.000	-	12.100.000	-
Cộng	<u>46.937.862.343</u>	<u>-</u>	<u>46.937.862.343</u>	<u>-</u>

5.5. Tài sản dở dang dài hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
			VND	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn:				
Dự án Tân Thới Hiệp - Học Môn (Chung cư Khánh Hội 4)	13.914.280.043	13.914.280.043	13.884.280.043	13.884.280.043
Các dự án khác	344.679.493	344.679.493	337.326.923	337.326.923
Cộng	<u>14.258.959.536</u>	<u>14.258.959.536</u>	<u>14.221.606.966</u>	<u>14.221.606.966</u>
Xây dựng cơ bản dở dang:				
Dự án 70-72-74 Nguyễn Tất Thành	11.878.414.688	11.878.414.688	11.878.414.688	11.878.414.688
Cộng	<u>11.878.414.688</u>	<u>11.878.414.688</u>	<u>11.878.414.688</u>	<u>11.878.414.688</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	VND
						Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	17.568.566.947	667.341.772	1.760.320.086	580.578.790	863.617.749	21.440.425.344
Mua trong năm	-	-	1.218.227.272	103.403.533	483.308.544	1.804.939.349
Thanh lý	-	-	(481.029.609)	-	-	(481.029.609)
Giảm khác	-	-	-	(27.272.727)	-	(27.272.727)
Số dư cuối năm	17.568.566.947	667.341.772	2.497.517.749	656.709.596	1.346.926.293	22.737.062.357
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	4.130.007.665	402.626.428	1.120.674.849	331.705.579	264.706.426	6.249.720.947
Khấu hao trong năm	909.068.904	8.498.748	148.966.341	152.366.615	296.396.755	1.515.297.363
Thanh lý	-	-	(481.029.609)	-	-	(481.029.609)
Giảm khác	-	-	-	(5.106.062)	-	(5.106.062)
Số dư cuối năm	5.039.076.569	411.125.176	788.611.581	478.966.132	561.103.181	7.278.882.639
Giá trị còn lại:						
Tại ngày đầu năm	13.438.559.282	264.715.344	639.645.237	248.873.211	598.911.323	15.190.704.397
Tại ngày cuối năm	12.529.490.378	256.216.596	1.708.906.168	177.743.464	785.823.112	15.458.179.718

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 661.207.024 VND;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	VND
	Phần mềm
Khoản mục	
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	941.140.000
Số dư cuối năm	941.140.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số dư đầu năm	415.697.595
Khấu hao trong năm	244.594.005
Số dư cuối năm	660.291.600
Giá trị còn lại:	
Tại ngày đầu năm	525.442.405
Tại ngày cuối năm	280.848.400

5.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	VND			
Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá:				
Nhà	20.331.586.862	-	-	20.331.586.862
Nhà và quyền sử dụng đất	18.137.916.450	4.955.886.315	(482.273.857)	22.611.528.908
Cộng	38.469.503.312	4.955.886.315	(482.273.857)	42.943.115.770
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Nhà	13.495.039.375	541.300.657	-	14.036.340.032
Nhà và quyền sử dụng đất	3.879.863.212	677.872.694	(482.273.857)	4.075.462.049
Cộng	17.374.902.587	1.219.173.351	(482.273.857)	18.111.802.081
Giá trị còn lại:				
Nhà	6.836.547.487			6.295.246.830
Nhà và quyền sử dụng đất	14.258.053.238			18.536.066.859
Cộng	21.094.600.725			24.831.313.689

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 2.816.943.977 VND

5.9. Chi phí trả trước

Là công cụ dụng cụ xuất sử dụng và các chi phí chờ phân bổ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	VND Cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.059.720.514	14.002.640.406	16.330.069.198	732.291.722
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.846.952.834	22.322.671.225	14.242.085.375	14.927.538.684
Thuế thu nhập cá nhân	50.110.130	895.476.964	914.199.713	31.387.381
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.413.038.144	2.413.038.144	-
Các khoản phí, lệ phí	-	9.500.000	9.500.000	-
Các loại thuế khác	-	207.990.214	204.403.850	3.686.364
Cộng	9.956.783.478	39.851.316.953	34.113.296.280	15.694.904.151
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.421.621	-	-	10.421.621
Cộng	10.421.621	-	-	10.421.621

5.11. Phải trả khác

	Cuối năm	VND Đầu năm
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	9.247.323	16.521.303
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	210.074.000	285.617.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.826.725	10.218.577.925
Nhận tiền ứng trước theo hợp đồng chuyển nhượng dự án 56 Bến Vân Đồn	-	60.000.000.000
Tiền 2% bảo trì căn hộ CCKH2	4.716.031.508	4.928.512.363
Tiền 2% bảo trì Chung cư KH 2 - Khu văn phòng	296.336.619	459.199.599
Tiền 2% bảo trì căn hộ Chung cư KH 3	2.526.495.046	2.526.495.046
Các khoản phải trả, phải nộp khác	460.607.277	308.617.008
Cộng	8.222.618.498	78.743.540.244
Dài hạn:		
Nhận góp vốn dự án CC KH 4 – Công ty CP Thương Mại Hóc Môn	6.957.140.021	6.935.540.021
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.927.367.083	3.813.735.223
Cộng	10.884.507.104	10.749.275.244

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

5.12. Vốn chủ sở hữu

5.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	141.203.090.000	95.682.643.118	(13.376.358.507)	46.983.041.991	22.094.468.530	292.586.885.132
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	68.920.837.487	68.920.837.487
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	4.190.812.119	(4.190.812.119)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.536.002.442)	(4.536.002.442)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(25.536.878.000)	(25.536.878.000)
Tặng khác	-	-	-	-	32.856.676	32.856.676
Giảm khác	-	-	-	(98.151.477)	-	(98.151.477)
Số dư đầu năm nay	141.203.090.000	95.682.643.118	(13.376.358.507)	51.075.702.633	56.784.470.132	331.369.547.376
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	80.374.704.998	80.374.704.998
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	21.812.476.816	(21.812.476.816)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(7.296.587.751)	(7.296.587.751)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(25.536.878.000)	(25.536.878.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(63.180)	(63.180)
Số dư cuối năm	141.203.090.000	95.682.643.118	(13.376.358.507)	72.888.179.449	82.513.169.384	378.910.723.443

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

5.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối năm	VND Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	40.073.870.000	40.073.870.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	101.129.220.000	101.129.220.000
Cộng	141.203.090.000	141.203.090.000

5.12.3. Cổ phiếu

	Cuối năm	VND Đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.120.309	14.120.309
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	14.120.309	14.120.309
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	(1.351.870)	(1.351.870)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	12.768.439	12.768.439

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu

5.12.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển	VND Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Số dư đầu năm	24.963.102.840	26.112.599.793
Trích trong năm	10.353.177.640	11.459.299.176
Số dư cuối năm	35.316.280.480	37.571.898.969

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu chuyển nhượng dự án và kinh doanh bất động sản	418.806.017.841	126.051.474.803
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	22.565.958.103	25.108.861.396
Doanh thu dịch vụ giáo dục mầm non	11.244.065.000	5.636.462.000
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	26.012.629.801	25.138.494.351
Doanh thu khác	-	1.454.250.267
Cộng	478.628.670.745	183.389.542.817
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan – Xem thêm mục 8		
Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội	1.699.640.214	2.398.830.847
Cộng	1.699.640.214	2.398.830.847

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	VND Năm trước
Giá vốn chuyển nhượng dự án và kinh doanh bất động sản	347.348.077.975	64.090.061.203
Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ	14.390.988.297	15.790.213.848
Giá vốn dịch vụ giáo dục mầm non	5.817.195.811	2.866.381.753
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	3.836.411.680	3.989.304.107
Giá vốn khác	-	1.453.876.944
Cộng	<u>371.392.673.763</u>	<u>88.189.837.855</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.745.839.457	6.770.831.765
Lãi bán các khoản đầu tư	429.088.106	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.189.329.000	1.148.831.200
Lãi sử dụng vốn	1.538.230.727	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	453.418
Cộng	<u>14.902.487.290</u>	<u>7.920.116.383</u>

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí lãi vay	-	152.201.667
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	820.424.000	2.168.093.227
Chi phí tài chính khác	-	1.081.164.450
Cộng	<u>820.424.000</u>	<u>3.401.459.344</u>

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.369.552.931	5.402.607.998
Chi phí đồ dùng văn phòng	767.571.165	479.063.957
Chi phí khấu hao TSCĐ	734.339.708	647.718.794
Thuế, phí và lệ phí	617.097.922	288.265.758
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(13.976.779.953)	1.392.009.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.986.282.034	1.150.609.379
Chi phí bằng tiền khác	3.964.092.246	1.900.347.551
Cộng	<u>462.156.053</u>	<u>11.260.622.797</u>

Các khoản ghi giảm chi phí quản lý là khoản hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi.

6.6. Thu nhập khác

	Năm nay	VND Năm trước
Tiền phạt thu được	48.402.207	-
Tiền điện, nước và phí bảo vệ môi trường	8.316.006.451	7.326.825.498
Thu nhập khác	248.334.118	260.836.960
Cộng	<u>8.612.742.776</u>	<u>7.587.662.458</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

6.7. Chi phí khác

	Năm nay	VND Năm trước
Tiền điện, nước và phí bảo vệ môi trường	7.035.796.431	5.826.461.449
Các khoản bị phạt	48.402.207	-
Các khoản khác	884.037.538	743.214.216
Cộng	<u>7.968.236.176</u>	<u>6.569.675.665</u>

6.8. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.208.739.071	2.622.185.711
Chi phí nhân công	20.898.460.532	15.436.802.772
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.979.064.720	2.154.505.718
Chi phí dịch vụ mua ngoài	235.244.043.029	17.153.190.450
Chi phí khác bằng tiền	8.340.427.028	1.425.545.192
Chi phí dự phòng	(13.976.779.953)	1.382.686.860
Tổng cộng	<u>258.693.954.427</u>	<u>40.174.916.703</u>

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	VND Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	102.678.419.125	88.885.214.323
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	1.277.195.818	4.881.787.820
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(2.189.329.000)	(754.714.146)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	101.766.285.943	93.012.287.997
Bao gồm:		
▪ Thu nhập chịu thuế suất 10%	3.944.923.970	3.752.870.539
▪ Thu nhập chịu thuế suất 20%	-	3.363.666.810
▪ Thu nhập chịu thuế suất 22%	97.821.361.973	85.895.750.648
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	21.915.192.031	19.945.085.538
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	407.475.567	8.062.500
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	<u>22.322.667.598</u>	<u>19.953.148.038</u>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế như: cổ tức, chi phí không hợp lệ.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1. Các khoản đi vay thực thu trong kỳ**

	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	5.427.000.000
Cộng	<u>5.427.000.000</u>

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh bất động sản
- Giáo dục mầm non
- Dịch vụ chung cư
- Hoạt động khác

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Kinh doanh bất động sản	Giáo dục mầm non	Dịch vụ chung cư	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu					
Từ khách hàng bên ngoài	426.956.338.011	11.244.065.000	21.731.802.007	-	459.932.205.018
Giữa các bộ phận	5.798.975.327	-	1.957.441.650	(7.756.416.977)	-
Tổng cộng	432.755.313.338	11.244.065.000	23.689.243.657	(7.756.416.977)	459.932.205.018
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả bộ phận	77.827.761.440	5.426.869.189	5.455.492.245	(170.591.619)	88.539.531.255
Chi phí bán hàng	74.692.182	-	52.660.695	-	127.352.877
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(3.838.134.098)	2.366.286.251	2.200.261.562	(266.257.662)	462.156.053
Thu nhập khác	8.257.474.345	17.504.626	519.581.987	(181.818.182)	8.612.742.776
Chi phí khác	7.627.977.291	345.650	339.913.235	-	7.968.236.176
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	82.220.700.410	3.077.741.914	3.382.238.740	(86.152.139)	88.594.528.925
Thu nhập tài chính	18.027.474.992	399.239.619	118.772.679	(3.643.000.000)	14.902.487.290
Chi phí tài chính	820.424.000	-	-	-	820.424.000
Phần lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	1.826.910	1.826.910
Lợi nhuận kế toán trước thuế	99.427.751.402	3.476.981.533	3.501.011.419	(3.727.325.229)	102.678.419.125
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.146.941.294	394.492.397	781.233.907	-	22.322.667.598
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	(18.953.471)	(18.953.471)
Lợi nhuận sau thuế	78.280.810.108	3.082.489.136	2.719.777.512	(3.708.371.758)	80.374.704.998
Các thông tin khác					
Tài sản của bộ phận	418.709.145.526	20.635.033.359	6.126.470.443	(18.685.710.797)	426.784.938.531
Tổng tài sản hợp nhất					<u>426.784.938.531</u>
Nợ phải trả của bộ phận	45.962.939.950	739.554.336	1.174.508.209	(2.787.408)	47.874.215.087
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>47.874.215.087</u>
Chi phí mua sắm tài sản	1.760.800.239	-	258.029.219	(220.676.649)	1.798.152.809
Chi phí khấu hao	2.135.630.601	759.254.352	104.958.410	(20.778.644)	2.979.064.719



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Kinh doanh bất động sản	Giáo dục mầm non	Dịch vụ chung cư	Khác	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	153.774.740.025	11.033.245.000	16.892.194.155	1.689.363.637	-	183.389.542.817
Giữa các bộ phận	5.171.092.898	-	2.820.545.460	87.091.825	(8.078.730.183)	-
Tổng cộng	158.945.832.923	11.033.245.000	19.712.739.615	1.776.455.462	(8.078.730.183)	183.389.542.817
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả bộ phận	85.739.382.345	5.037.845.812	4.586.492.231	23.936.962	(187.952.388)	95.199.704.962
Chi phí bán hàng	128.941.824	-	39.399.583	158.125.867	(164.091.825)	162.375.449
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.669.756.636	1.752.916.930	1.594.660.578	280.039.657	(36.751.004)	11.260.622.797
Thu nhập khác	7.453.732.632	12.741.706	81.790.753	39.397.367	-	7.587.662.458
Chi phí khác	6.522.607.740	495.000	6.195.012	40.377.913	-	6.569.675.665
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	78.871.808.777	3.297.175.588	3.028.027.811	(415.209.108)	12.890.441	84.794.693.509
Thu nhập tài chính	10.893.702.937	455.694.951	130.712.904	198.597.381	(3.758.591.790)	7.920.116.383
Chi phí tài chính	3.639.199.801	-	-	-	(237.740.457)	3.401.459.344
Phần lỗ trong công ty liên kết	-	-	-	-	(428.136.225)	(428.136.225)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	86.126.311.913	3.752.870.539	3.158.740.715	(216.611.727)	(3.936.097.117)	88.885.214.323
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.905.127.643	375.287.033	672.733.362	-	-	19.953.148.038
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	11.228.798	11.228.798
Lợi nhuận sau thuế	67.221.184.270	3.377.583.506	2.486.007.353	(216.611.727)	(3.947.325.915)	68.920.837.487
Các thông tin khác						
Tài sản của bộ phận	429.208.181.249	20.498.900.292	5.527.861.404	89.261.428	(18.420.275.860)	436.903.928.513
Tổng tài sản hợp nhất						<u>436.903.928.513</u>
Nợ phải trả của bộ phận	103.917.474.468	585.910.405	1.033.783.672	-	(2.787.408)	105.534.381.137
Tổng nợ phải trả hợp nhất						<u>105.534.381.137</u>
Chi phí mua sắm tài sản	12.567.310.998	-	-	-	-	12.567.310.998
Chi phí khấu hao	1.934.564.488	740.504.235	63.551.139	-	2.759.252	2.741.379.114

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Bến Thành	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
2. Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội	Công ty liên kết
3. Công ty CP Chế Biến Thực Phẩm Hóc Môn	Công ty liên kết
4. Bà Nguyễn Ngọc Hạnh	Tổng Giám đốc Tập đoàn

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	VND Đầu năm
Phải thu – Xem thêm mục 5.3		
Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội	1.964.727.952	1.594.294.733
Cộng	1.964.727.952	1.594.294.733

Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Bán hàng - Xem thêm mục 6.1		
Công ty CP Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe và Giải Trí Khánh Hội	1.699.640.214	2.398.830.847
Cộng	1.699.640.214	2.398.830.847

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc như sau:

	Năm nay	VND Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	1.144.125.000	804.750.000
Thu nhập Ban Điều hành	1.122.537.041	720.302.167
Tổng cộng	2.266.662.041	1.525.052.167

10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Trong quá trình hoạt động, Tập đoàn có thể có các rủi ro tài chính như sau:

- Rủi ro tín dụng: Là khả năng mà khách nợ sẽ không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần các khoản vay, hoặc sẽ không hoàn trả đúng hạn và do đó sẽ đưa đến một khoản lỗ cho Tập đoàn.
- Rủi ro thanh khoản: Là rủi ro mà Tập đoàn có thể không có hoặc không có khả năng có tiền khi cần và do đó sẽ gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ có liên quan đến các khoản công nợ tài chính.

Để quản lý một cách có hiệu quả các rủi ro trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Tập đoàn đã phê duyệt những chiến lược cụ thể để quản lý những rủi ro này phù hợp với mục tiêu hoạt động của Tập đoàn. Những chiến lược này đưa ra những hướng dẫn đối với mục tiêu ngắn hạn và dài hạn và những hành động sẽ được thực hiện để quản lý những rủi ro tài chính của Tập đoàn. Những hướng dẫn chủ yếu bao gồm:

- Tối thiểu hóa các rủi ro về giá, rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất đối với tất cả các giao dịch;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện và giám sát ở mức độ tập trung;
- Tất cả các hoạt động quản lý rủi ro tài chính được thực hiện trên cơ sở nhất quán, thận trọng và theo những thông lệ thị trường tốt nhất;
- Tập đoàn có thể đầu tư cổ phiếu và các công cụ tương tự chỉ trong trường hợp có tiền nhàn rỗi tạm thời và các giao dịch này phải được HĐQT phê duyệt.

Bảng dưới đây trình bày tóm tắt tài sản tài chính và công nợ tài chính theo từng loại:

	Giá trị ghi sổ		VND
	31/12/2015	01/01/2015	
Tài sản tài chính:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.944.931.099	80.682.560.891	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.183.140.723	10.448.294.385	
Đầu tư ngắn hạn	161.705.465.596	78.705.465.596	
Cộng	267.833.537.418	169.836.320.872	
Công nợ tài chính:			
Phải trả người bán và phải trả khác	12.023.139.229	22.277.038.913	
Các khoản vay	5.427.000.000	-	
Chi phí phải trả	121.203.152	-	
Cộng	17.571.342.381	22.277.038.913	

Rủi ro tín dụng

Tập đoàn kiểm soát rủi ro tín dụng bằng cách xác định hạn mức rủi ro cho từng khách hàng. Tập đoàn đang áp dụng chính sách chỉ giao dịch với khách hàng đáng tin cậy về mặt tín dụng. Không có những tập trung quan trọng về rủi ro tín dụng. Rủi ro tín dụng tối đa mà Tập đoàn có thể gánh chịu được tóm tắt trong bảng dưới đây.

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền và tương đương tiền	101.944.931.099	80.682.560.891
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.183.140.723	10.448.294.385
Cộng	106.128.071.822	91.130.855.276

Tập đoàn không nắm giữ các thế chấp cho các khoản phải thu.

Tất cả các khoản phải thu quá hạn đều được đánh giá tổn thất một cách phù hợp.

Các tài sản sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn và do đó không có những rủi ro về tín dụng.

Rủi ro thanh khoản

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản trên cơ sở ngày đến hạn được mong đợi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ KHÁNH HỘI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 360A Bến Vân Đồn, Phường 01, Quận 04, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng dưới đây phân tích nợ tài chính theo ngày đến hạn còn lại theo hợp đồng.

	Nợ phải trả	Vay	Chi phí phải trả	VND Tổng
Dưới 01 năm	12.023.139.229	5.427.000.000	121.203.152	17.571.342.381
Số dư ngày 31/12/2015	12.023.139.229	5.427.000.000	121.203.152	17.571.342.381

	VND Nợ phải trả
Dưới 01 năm	22.277.038.913
Số dư ngày 01/01/2015	22.277.038.913

Tập đoàn dự kiến sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ khi đến hạn. Để đáp ứng các cam kết thanh toán này, Tập đoàn dự kiến các hoạt động kinh doanh sẽ tạo ra đủ dòng tiền vào. Ngoài ra, Tập đoàn đang nắm giữ các tài sản tài chính có thị trường thanh khoản và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Rủi ro về giá các khoản đầu tư chứng khoán vốn

Như được nêu trong chính sách rủi ro tài chính của Công ty đã được HĐQT phê duyệt, Công ty chỉ đầu tư các thanh khoản tạm thời nhân rồi vào cổ phiếu và các công cụ tương tự. Công ty bị cấm đầu tư vào các công cụ phái sinh nhằm mục đích đầu cơ.

Vào ngày 31/12/2015, Công ty đang nắm giữ một số cổ phiếu sẵn sàng để bán của công ty CP Đầu tư Phát Triển Thương mại Củ Chi (mã:CCI) niêm yết tại thị trường chứng khoán TPHCM. Do vậy, các khoản đầu tư này vừa chịu rủi ro về tiền tệ vừa chịu những rủi ro về thay đổi giá trị hợp lý.

Phân tích độ nhạy cảm

Khoản đầu tư vào cổ phiếu công ty CP Đầu tư Phát Triển Thương mại Củ Chi (mã: CCI) chịu rủi ro về giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của những tài sản này vào ngày 31/12/2016 tổng cộng là 3.389.842.800 VND. Một khoản giảm 10% giá trị hợp lý của những tài sản này – là mức giảm có thể xảy ra vào cuối niên độ kết thúc vào 31/12/2016 theo ước tính của Ban Giám đốc – sẽ đưa đến một khoản giảm về thu nhập khác là 376.649.200 VND. Số liệu này không phản ánh rủi ro tiền tệ đã được xem xét trong phân phân tích rủi ro ngoại tệ.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt và phát hành vào ngày 08 tháng 3 năm 2016.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

NGUYỄN THANH NHỰT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

QUÁCH TOÀN BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NGỌC HẠNH

